

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-PT

Ngày: 07/4/2021

“V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng, thiệt hại về
tài sản và quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Ông Phạm Sanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thiệt hại về tài sản và quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2020/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1965

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn S, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1979

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn S, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Tiền E, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn S, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Trần Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tiền E.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Vào năm 2015 bà có nhận chuyển nhượng phần nền đất thổ cư của nhà nước, thửa đất L01-34, tờ bản đồ số 6, diện tích đất 128m (chiều ngang 5m, dài 25,6m). Đất tọa lạc tại khu phố T, thị trấn S, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2016 bà tiến hành xây dựng nhà cấp 4, khi tiến hành xây dựng bà có chừa chiều ngang đất mỗi bên 0,02m, chạy dài 25,6m, đến tháng 02/2018 âm lịch tức tháng 4/2018 dương lịch ông Trần Văn H, cùng vợ, bà Nguyễn Thị Tiền E, ngụ tại khu phố T, thị trấn S, huyện A, tỉnh Kiên Giang có xây dựng nhà kiên cố, nhà 01 trệt, ba tầng, sát vách nhà của bà, khi xây dựng ông H xây sát, áp tường tô xi măng dính tường nhà bà, ông H xây nhà được 01 tháng thì tường nhà bà bị thấm nước, rạn nứt, bà có báo với ông H và chính quyền địa phương biết, thì ông H có đưa 5.000.000 đồng để sơn chống thấm, khi nhà ông H xây đến tầng 4 (bà không nhớ rõ thời gian) thì bà phát hiện nhà bà bị sụp, lún, nghiêng, dột, thấm nước, đồng thời giàn giáo của ông H trong quá trình làm nhà rơi xuống mái tol nhà bà, làm hư mái nhà của bà, bà báo với chính quyền địa phương thì phía ông H có hứa để công trình xây dựng xong, nhà bà hư phần nào ông H sẽ sửa chữa phần đó, khi hoàn thành công trình nhà bà bị hư hỏng nặng, thì bà phát hiện ông H khi xây nhà thì tường nhà ông H áp sát dính vào tường nhà bà và lấn chiếm luôn phần đất của bà đã chừa ra trước đó chiều ngang là 0,02cm chạy dài hết đất, từ việc xây dựng nhà của ông H đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhà của bà, nên bà khởi kiện ra Tòa án.

Nay bà yêu cầu ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tiền E phải bồi thường nhà bị thiệt hại theo như thông báo xác định nguyên nhân thiệt hại, chi phí khắc phục thiệt hại của Sở xây dựng Kiên Giang với số tiền là 54.030.323 đồng và phải trả lại cho bà các khoản chi phí tổ tụng mà bà đã bỏ ra. Đồng thời yêu cầu ông H, bà E phải trả lại phần đất mà ông H đã xây dựng lấn chiếm đất của bà ngang 0,02m chạy dài hết đất của bà, yêu cầu ông H phải tách phần tường nhà của ông H, bà E đã xây áp sát dính vào phần tường nhà bà ngang 0,02m chạy dài 17m.

Tại đơn yêu cầu khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung bà làm đơn yêu cầu ông H, bà E phải bồi thường thiệt hại số tiền là 146.425.000 đồng, nhưng tại phiên tòa bà xin rút một phần nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H, bà Tiền E bồi thường số tiền 54.030.323 đồng. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Vào năm 2017 ông H có nhận quyền nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị V với diện tích thửa đất số L01-33, tờ bản đồ số 6, diện tích 128m², chiều ngang 5m, dài 25,6m. Đất tọa lạc tại khu phố T, thị trấn S, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Đến tháng 4/2018 ông và vợ là bà Nguyễn Thị Tiền E khởi công xây dựng nhà trên phần đất này, trước khi xây dựng ông có xin phép và được Ban quản lý dự án huyện A giao nền nhà, trong quá trình xây dựng đến tầng 2 thì bà Đ cho rằng là thấm nước tường của bà Đ nên bà Đ yêu cầu ông phải bồi thường cho bà 5.000.000 đồng, ông đồng ý bồi thường và đã đưa cho phía nhà bà Đ 5.000.000 đồng, một thời gian sau bà Đ cho rằng trong quá trình xây dựng ông làm hư hỏng, lún nền nhà của bà Đ, nên bà Đ có thái độ chửi bới gia đình ông, ông có làm đơn nhờ chính quyền địa phương giải quyết, trong cuộc hòa giải bà Đ yêu cầu bồi thường 150.000.000 đồng, ông không đồng ý. Nên sự việc phát sinh tranh chấp cho đến nay. Ông thừa nhận nhà bà Đ đã xây trước nhà ông, nhưng ông không biết xây vào năm nào, đất của ông diện tích ngang 5m, dài 25,6m, ông xây đủ diện tích đất, mặt trước 4,99m, ông khẳng định ông xây tường không có lấn sang phần đất của bà Đ, tuy nhiên trong quá trình xây dựng thợ xây hồ có xây tường áp vào tường nhà của bà Đ không có phần hở. Tuy nhiên ông xây dựng nhà là xây trên phần đất của ông.

Nay phía bà Đ yêu cầu ông bồi thường 54.030.323 đồng ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý bồi thường cho bà Đ 25.000.000 đồng trừ đi số tiền đã đưa trước cho bà Đ 5.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng ông đồng ý tiếp tục bồi thường cho bà Đ, còn bà Đ yêu cầu giao trả đất 0,02m chạy dài hết đất và tách tường ra khỏi tường nhà bà Đ thì ông không đồng ý.

Tại phiên Tòa sơ thẩm ông xin rút lại đơn yêu cầu phản tố ngày 01/7/2020, không yêu cầu bà Trần Thị Đ phải trả lại phần diện tích đất phía sau 4cm, dài 12,5cm. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tiền E trình bày:

Bà thống nhất những gì ông H trình bày và yêu cầu là đúng, không bổ sung hay có ý kiến gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2020/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tiền E phải bồi thường thiệt hại và tách tường nhà ông H, bà E ra khỏi tường nhà của Đ và giao trả phần đất tranh chấp cho bà Đ.

- Buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tiền E phải bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị Đ số tiền là 49.030.000 đồng và tiền chi phí tố tụng, đo đạc và định giá phía bà Đ đã nộp 10.023.000 đồng. Tổng cộng phía ông H, bà E phải bồi thường trả cho bà Đ là 59.053.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tiền E phải tách phần tường đã xây dựng dính vào phần tường nhà bà Đ diện tích ngang 0,02m, dài 17m (tường xây dựng trên phần đất của bà Đ) và buộc ông H, bà E phải giao trả lại cho bà Đ phần đất theo đo đạc thực tế có tứ cận, theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 272 -2019 ngày 09/01/2020 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 2 - 6 = 0,02m; Cạnh 6 - 7 = 25,60m; Cạnh 7,4 = 0,02m; Cạnh 4 - 3=3m; Cạnh 3 - 2 = 22,60.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Văn H yêu cầu bà Đ phải giao trả đất.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ, từ số tiền yêu cầu khởi kiện 146.425.000 đồng xuống yêu cầu còn 54.030.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí tố tụng và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/12/2020 bị đơn ông Trần Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tiền E có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

- Bản án sơ thẩm căn cứ thông báo kết quả số 40/KQKS-TTKĐ ngày 23/7/2019 của Trung tâm kiểm định và dịch vụ xây dựng Kiên Giang để buộc vợ chồng ông bồi thường cho bà Đ số tiền 54.030.000 đồng, buộc vợ chồng ông phải tách tường trả lại cho bà Đ 0,02m là không đúng thực tế, không khả thi, gây thiệt hại cho vợ chồng ông. Bản kiểm định thể hiện giữa tường nhà vợ chồng ông và nhà của bà Đ vẫn còn khoảng hở. Theo biên bản đo đạc thực tế diện tích nhà xây dựng của vợ chồng ông diện tích ngang trước 4,99 mét, ngang sau 4,97 mét, chưa đủ diện tích 05 mét của gia đình ông, nên không buộc tách trả lại cho bà Đ 0,02 mét như bản án tuyên.

- Gia đình ông đồng ý bồi thường cho bà Đ phần thiệt hại mái tol bị rĩ sét theo bản kiểm định giá trị 8.846.590 đồng. Ngoài ra không đồng ý bồi thường khoản nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiền E có ý kiến: đồng ý bồi thường cho bà Đ số tiền 30.000.000 đồng, trừ số tiền đã đưa trước 5.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng thì đồng ý tiếp tục giao cho bà Đ, ông H bà E sẽ tự khắc phục thiệt hại vách tường nhà của hai bên, không đồng ý tách tường trả lại 0.02 mét đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Đ có ý kiến: Không đồng ý yêu cầu của bị đơn. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Yêu cầu ông H bà E bồi thường số tiền 54.030.232 đồng và tách phần tường chiều ngang 0,02 mét, chiều dài 17 mét trả lại phần đất cho bà.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập xác định nhà bà Đ bị thiệt hại là có thật. Bà Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 54.030.232 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tách phần tường bị đơn xây dựng dính vào vách nhà của bà Đ, buộc trả 0,02 mét đất, chiều dài 17 mét cho bà Đ là không có căn cứ. Ngoài ra cấp sơ thẩm tính án phí trên tổng số tiền bồi thường và chi phí tố tụng bị đơn phải giao cho nguyên đơn là chưa phù hợp nên cần tính lại án phí.

Do đó có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, bà E. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông H và bà Tiền E bồi thường nhà bị thiệt hại với số tiền là 54.030.323 đồng do khi xây nhà ông H xây tường áp sát vào tường nhà bà Đ gây ra hiện tượng nứt tường, sụp, lún, nghiêng, dột, thấm nước, ngoài ra trong quá trình giàn giáo của nhà ông H rơi xuống mái tol nhà bà Đ thiệt hại đến căn nhà của bà Đ. Đồng thời bà Đ yêu cầu ông H, bà E phải trả lại phần đất mà ông H đã xây dựng lấn chiếm đất của bà Đ

chiều ngang 0,02 mét, chạy dài hết đất của bà, yêu cầu ông H phải tách phần tường nhà của ông H, bà E đã xây áp sát dính vào phần tường nhà bà chiều ngang 0,02 mét, chiều dài 17 mét.

Bị đơn ông H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng đất của ông có diện tích đất ngang 05 mét, dài 25,6 mét, ông xây nhà đủ diện tích đất, mặt trước 4,99 mét chứ không xây lấn sang phần đất của bà Đ. Trong quá trình xây dựng thợ xây hồ có xây tường áp vào tường nhà của bà Đ không có phần hở. Nay bà Đ yêu cầu bồi thường 54.030.323 đồng thì ông chỉ đồng ý bồi thường cho bà Đ 25.000.000 đồng, trừ số tiền đã đưa trước cho bà Đ 5.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng ông đồng ý tiếp tục bồi thường cho bà Đ. Không đồng ý giao trả phần đất chiều ngang 0,02m, chạy dài hết đất và tách tường ra khỏi tường nhà bà Đ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông H, bà Tiền E không đồng ý bồi thường cho bà Đ số tiền 54.030.323 đồng theo kết quả của Trung tâm kiểm định và dịch vụ xây dựng Kiên Giang, ông bà chỉ đồng ý bồi thường cho bà Đ thiệt hại mái tol bị rỉ sét theo bản kiểm định là 8.846.590 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Thông báo kết quả số 40/KQKS-TTKĐ ngày 23/7/2019 của Trung tâm kiểm định và dịch vụ xây dựng Kiên Giang về việc xác định nguyên nhân gây thiệt hại, chi phí khắc phục thiệt hại của nhà bà Trần Thị Đ kết luận: Nguyên nhân gây hư hỏng nhà bà Đ là do nhà ông H xây 1 trệt 3 lầu, sử dụng móng đơn trên nền gia cố cọc bê tông cốt thép, đặt khá sau so với mặt đất tự nhiên và được đặt khá gần với nền móng nhà của bà Đ, vì vậy khi thi công phần móng là nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng tới tính ổn định nền móng nhà bà Đ, gây ra một số hiện tượng như cột nghiêng, nứt, tường nứt, nền bị sụp lún. Trong quá trình thi công nhà, ông H không có biện pháp che chắn làm rơi vữa lên mái nhà bà Đ gây ra hiện tượng rỉ sét, thấm dột mái tol.

Như vậy có căn cứ xác định có sự việc ông H xây dựng nhà gây thiệt hại đối với căn nhà của bà Đ, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt của gia đình bà Đ. Tại cấp sơ thẩm bị đơn ông H có ý kiến đồng ý một phần đối với kết quả của Trung tâm kiểm định và dịch vụ xây dựng Kiên Giang, nhưng ông H không có yêu cầu kiểm định lại và đồng ý bồi thường cho bà Đ thêm số tiền 20.000.000 đồng, sau khi đã trừ số tiền 5.000.000 đồng giao trước cho bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà E có ý kiến đồng ý bồi thường cho bà Đ số tiền 30.000.000 đồng, trừ số tiền đã đưa trước 5.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng thì tiếp tục giao cho bà Đ, và ông H sẽ tự khắc phục thiệt hại vách tường nhà hai bên. Không đồng ý tách tường trả lại 0.02 mét đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên bà Đ không đồng ý.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông H bà E phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Đ số tiền 54.030.323 đồng, trừ số tiền bà Đ đã nhận trước 5.000.000 đồng, còn lại bị đơn phải bồi thường 49.053.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông H bà Tiền E không đồng ý tách tường trả lại cho bà Đ 0,02 mét, chiều dài 17 mét vì cho rằng giữa tường nhà của ông và nhà của bà Đ vẫn còn khoảng hở. Đồng thời diện tích nhà của ông xây dựng chiều ngang trước 4,99 mét, ngang sau 4,97 mét, chưa đủ diện tích 05 mét chiều ngang được cấp giấy, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện A thể hiện căn nhà của ông H bà E xây dựng có diện tích ngang trước 4,99 mét, ngang sau 4,97 mét, chưa đủ diện tích 05 mét chiều ngang trước và chiều ngang sau theo Giấy chứng nhận QSD đất do ông H nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị V vào ngày 10/5/2017.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông H, bà E tách phần tường đã xây dựng dính vào phần tường nhà bà Đ diện tích ngang 0,02 mét, dài 17 mét (phần tường xây dựng trên phần đất của bà Đ) và buộc ông H, bà E phải giao trả lại cho bà Đ phần đất tranh chấp là không có căn cứ, đồng thời việc thi hành án như quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị đơn tách tường sẽ gây thiệt hại đến tài sản của nguyên đơn và bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất đang tranh chấp cho bị đơn tiếp tục sử dụng là phù hợp.

[4] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông H bà Tiền E chịu án phí trên số tiền phải bồi thường cho nguyên đơn là 49.053.000 đồng và chi phí tố tụng là 10.023.000 đồng, tổng cộng là 59.053.000 đồng là không đúng nên cần điều chỉnh phần án phí cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với các sai sót nêu trên.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông H, bà E. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 98/2020/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông H, bà E phải liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: $49.053.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.452.650 \text{ đồng}$, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 0001049 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Ông H, bà E còn phải nộp 1.852.650 đồng.

- Bà Đ phải chịu án phí đối với yêu cầu tranh chấp QSD đất không được chấp nhận là 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Đ theo hai biên lai thu số 0002268 ngày 16/4/2019 và số 0005581 ngày 10/7/2019 tổng cộng là 3.960.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, bà Đ còn được nhận lại số tiền 3.660.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông H, bà E không phải chịu, được nhận lại tiền tạm ứng án phí 600.000đ đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc theo hóa đơn số 0000912 ngày 14/01/2020 là 2.538.000 đồng và hóa đơn 0093529 về chi phí định giá là 7.485.720 đồng. Tổng cộng là 10.024.000 đồng. Bà Đ đã tạm ứng xong nên ông H, bà E phải có trách nhiệm trả lại số tiền cho bà Đ là 10.024.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 106; Điều 107; Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 100; Điều 101 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tiền E.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 98/2020/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tiền E phải bồi thường thiệt hại đối với căn nhà của bà Đ.

- Buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tiền E phải bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị Đ số tiền là 49.030.000đ (Bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tiền E tách tường nhà ông H, bà E ra khỏi tường nhà của Đ và giao trả phần đất tranh chấp cho bà Đ.

3. Giữ nguyên hiện trạng phần tường ông H đã xây dựng dính vào phần tường nhà bà Đ diện tích ngang 0,02 mét, chiều dài 17 mét (tường xây dựng trên phần đất của bà Đ) cho ông H bà E được sử dụng, phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có tứ cận, theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 272 -2019 ngày 09/01/2020 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 2 - 6 = 0,02m; Cạnh 6 - 7 = 25,60m; Cạnh 7,4 = 0,02m; Cạnh 4 - 3=3m; Cạnh 3 - 2 = 22,60.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ, từ số tiền yêu cầu 146.425.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) giảm còn 54.030.000đ (Năm mươi bốn triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

5. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Văn H yêu cầu bà Đ phải giao trả đất.

6. Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc theo hóa đơn số 0000912 ngày 14/01/2020 là 2.538.000 đồng và hóa đơn 0093529 về chi phí định giá là 7.485.720 đồng. Tổng cộng là 10.024.000 đồng. Bà Đ đã tạm ứng xong nên ông H, bà E phải có trách nhiệm trả lại số tiền cho bà Đ là 10.024.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tiền E phải liên đới chịu án phí số tiền 2.452.650đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001049 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Ông H, bà E còn phải nộp thêm 1.852.650đ (Một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

- Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất không được chấp nhận là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng

án phí cho bà Trần Thị Đ đã nộp tổng cộng là 3.960.000đ (Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo hai biên lai thu số 0002268 ngày 16/4/2019 và số 0005581 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, bà Đ còn được nhận lại số tiền 3.660.000đ (Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tiên E không phải chịu, được nhận lại tiền tạm ứng án phí 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001435 và 0001436 cùng ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Tấn